

Tham luận

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC
THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH QUA HOẠT ĐỘNG
GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI**

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật 2014) đã cụ thể hoá quyền kết hôn và ly hôn theo tinh thần Hiến pháp 2013, quy định cụ thể và toàn diện về chế độ hôn nhân và gia đình, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ các mối quan hệ gia đình lành mạnh, bảo đảm các quyền và lợi ích của các thành viên trong gia đình, giải quyết các quan hệ phát sinh trong đời sống gia đình trên cơ sở tuân theo Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong đời sống hôn nhân và gia đình, bảo vệ quyền trẻ em, người yếu thế trong quan hệ gia đình. Luật 2014 không chỉ kế thừa, mà còn tiếp tục phát huy truyền thống đạo đức, phong tục, tập quán tốt đẹp của gia đình Việt Nam, loại bỏ những hủ tục lạc hậu, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

I. Vai trò giám sát của Quốc hội trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

Theo Luật Tổ chức Quốc hội, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Thực hiện vị trí, chức năng của mình, Quốc hội có thẩm quyền giám sát lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên cơ sở Hiến pháp 2013 và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Theo Hiến pháp 2013 tại Điều 69 khẳng định: “Quốc hội... giám sát tối cao với hoạt động của Nhà nước”; khoản 2 Điều 70 quy định: “Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội”; Khoản 3 Điều 74 quy định: “Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập”; khoản 2 Điều 76 nêu rõ các Ủy ban của Quốc hội thực hiện quyền giám sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do luật định.

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cũng quy định chi tiết về hoạt động giám sát. Theo Điều 10, giám sát của Quốc hội là hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước; hiệu quả giám sát của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả

giáo sát tối cao của Quốc hội, giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội và của các đại biểu Quốc hội. Điều 37 quy định các hoạt động giám sát của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội gồm: Thăm tra báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; giám sát văn bản quy phạm pháp luật; giám sát chuyên đề; tổ chức hoạt động giải trình; và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân... Điều 47 quy định các hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội¹; Điều 48 quy định các hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội².

Kể từ khi Luật Hôn nhân và gia đình 2014 được thông qua, Quốc hội đã giám sát lĩnh vực hôn nhân và gia đình dưới nhiều hình thức.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, Ủy ban Về các vấn đề Xã hội đã tiến hành khảo sát về “Tình hình thực hiện Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình và Luật phòng, chống bạo lực gia đình” từ ngày 20-23/9/2016 tại các tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk; Tháng 7/2018, Ủy ban khảo sát “Tình hình thực hiện Luật Bình đẳng giới và mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới kết hợp nội dung thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình” tại tỉnh Hậu Giang.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Ủy ban Văn hoá và Xã hội khảo sát việc thực hiện chính sách pháp luật về bình đẳng giới và hôn nhân và gia đình giai đoạn 2015 - 2023 tại bốn tỉnh Tuyên Quang, Nghệ An, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đắk Lắk.

Ngoài ra, Quốc hội còn giám sát thông qua thăm tra báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; thăm tra báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách - pháp luật về bình đẳng giới hàng năm; thăm tra báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình... khi lĩnh vực hôn nhân và gia đình là một nội dung quan trọng trong các báo cáo này.

Việc giám sát pháp luật về hôn nhân và gia đình còn được thực hiện qua hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội, hoạt động của các đại biểu Quốc hội trong hoạt động chất vấn, giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân về lĩnh vực này.

¹ chất vấn; giám sát văn bản quy phạm pháp luật và việc thi hành pháp luật; giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

² giám sát chuyên đề việc thi hành pháp luật ở địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị công dân mà đại biểu hoặc Đoàn đại biểu đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền; và cử đại biểu Quốc hội tham gia đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tại địa phương khi có yêu cầu.

Qua các hoạt động giám sát dưới nhiều hình thức đa dạng nêu trên đã giúp Quốc hội đánh giá được tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, nắm bắt được ý kiến, kiến nghị của cơ quan, địa phương, công dân trong việc thực thi các quy định của Luật 2014, luật pháp chính sách trong lĩnh vực này, góp phần tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách trong thời gian tới.

II. Đánh giá hiệu quả của quy định pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về hôn nhân và gia đình

1. Về ban hành các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực hôn nhân và gia đình

Ngày 19/6/2014, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết 05 điều, Bộ Y tế quy định chi tiết 02 điều, Tòa án nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn 03 điều. Tính đến nay, số lượng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình do các cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác xây dựng gồm 03 nghị định³, 04 thông tư, 01 thông tư liên tịch⁴. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thi hành Luật, một số văn bản có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đảm bảo tính tương thích với Luật, trong đó có 03 nghị định. Sau khi Luật có hiệu lực, 01 nghị định đã được ban hành ngay năm 2014; 01 nghị định được ban hành trong năm 2015 (chậm từ 1-3 tháng); 01 nghị định về xử phạt hành chính được ban hành năm 2020; 01 nghị định thay thế được ban hành vào năm 2025. Về các thông tư, 02 thông

³ - Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị định 10/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/01/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Nghị định này được thay thế bằng Nghị định 207/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/7/2025 quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- Nghị định 82/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/7/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

⁴ - Thông tư số 34/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 21/9/2016 quy định về thăm khám, các quy trình sàng lọc để phát hiện, điều trị, xử trí các bất thường, dị tật của bào thai. Thông tư này được thay thế bởi thông tư số 34/2017/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Thông tư số 32/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 15/9/2016 quy định việc chi trả các chi phí thực tế để bảo đảm chăm sóc sức khỏe sinh sản của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- Thông tư 02a/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 23/02/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Thông tư 57/2015/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Một số chương của Thông tư này bị bãi bỏ bởi Thông tư số 38/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 13/8/2025 quy định chi tiết một số điều của nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

tư được ban hành trong năm 2015, chậm từ 3-11 tháng; 02 thông tư và 01 thông tư liên tịch được ban hành năm 2016 (chậm gần 2 năm so với thời điểm Luật có hiệu lực). Đến thời điểm này, tất cả các văn bản được giao đều đã được ban hành, việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đã được thực hiện đầy đủ và đúng nhiệm vụ được giao.

Về cơ bản, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình có nội dung phù hợp với phạm vi quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật. Các văn bản này đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo hay mâu thuẫn, góp phần tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, minh bạch cho việc tổ chức thực hiện các quy định của Luật tại cơ sở. Hiện nay, có khoảng hơn 60 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình. Bộ Tư pháp đã thực hiện pháp điển các quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ với đề mục hôn nhân và gia đình, góp phần thuận lợi cho việc tra cứu, nghiên cứu, áp dụng pháp luật.

Việc ban hành đầy đủ các văn bản chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật không chỉ đảm bảo trách nhiệm pháp lý của các cơ quan được giao nhiệm vụ, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết đã tạo hành lang pháp lý ổn định, giúp các cơ quan chức năng, tổ chức và người dân triển khai các quy định của Luật một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

2. Về triển khai thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2014

- Đối với công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và gia đình: Thực hiện khoản 1 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình về Trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với hôn nhân và gia đình đối với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình, qua giám sát cho thấy: các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình được tuyên truyền, phổ biến với nhiều hình thức phong phú, đa dạng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu bồi dưỡng, tài liệu tuyên truyền, lồng ghép thông qua các hội thi. Các tỉnh đã tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ, không áp dụng các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình như: tập quán chung sống khi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; việc cưới hỏi do 02 bên gia đình thỏa thuận thay vì ý chí tự nguyện của 02 bên nam nữ; thách cưới; tổ chức lễ cưới linh đình; nôi dâu nôi nôi; tài sản chỉ do 01 người làm chủ; tảo hôn; hôn nhân cận huyết...

- Công tác xét xử của ngành Tòa án nhân dân về các vụ việc hôn nhân gia đình: Qua giám sát cho thấy, nhìn chung, công tác xét xử ở các tỉnh về các vụ việc hôn nhân và gia đình thực hiện tốt ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Ví dụ: Giai đoạn 2015 - 2023 tại Đắk Lắk: 44.056/50.262 vụ việc đã được giải quyết ở cấp sơ thẩm, đạt tỷ lệ 87,65%; 419/493 vụ việc đã được giải quyết ở cấp phúc

thẩm, đạt tỷ lệ 83,77%; số vụ việc bị hủy, sửa trên tổng số vụ việc đã giải quyết là rất ít (79/44.469 vụ, tỷ lệ 0,18%).

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Giai đoạn 2015-2023: 35.876/36.026 vụ việc đã được giải quyết ở cấp sơ thẩm, đạt tỷ lệ 99,58%; 233/235 vụ việc đã được giải quyết ở cấp phúc thẩm, đạt tỷ lệ 99,15%; không có vụ việc hôn nhân và gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; số vụ việc bị hủy, sửa trên tổng số vụ việc đã giải quyết là rất ít (82,5/35.876 vụ, tỷ lệ 0,23%).

Qua thực tiễn xét xử, Tòa án đã xác định các nguyên nhân ly hôn như: nguyên nhân chính do mâu thuẫn gia đình, các nguyên nhân khác liên quan đến bạo lực gia đình, nghiện ma túy rượu chè, cờ bạc, ngoại tình....

- Vai trò của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình: Tại các tỉnh Ủy ban tổ chức khảo sát cho thấy, Viện Kiểm sát nhân dân đã kiểm sát 100% các bản án, quyết định của Tòa án và luôn quan tâm các hoạt động kiểm sát trong các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

- Kết quả thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm tại địa phương để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình: qua giám sát cho thấy, hầu hết các tỉnh đã thực hiện tốt biện pháp phòng ngừa và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm tại địa phương để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình.

Ví dụ: Tại tỉnh Đắk Lắk, đã chỉ ra 3/9 hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật như: Tảo hôn (có 222 trường hợp tảo hôn bị xử phạt hành vi phạm chính); Người đang có vợ mà kết hôn với người khác (01 trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính); Bạo lực gia đình: có 3.939 vụ bạo lực gia đình, trong đó có 2.489 vụ bạo lực đối với phụ nữ (chiếm tỷ lệ 62,3%).

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ năm 2016 đến 2024 chưa có trường hợp nào vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Giám sát kết quả thực hiện các quy định về kết hôn: Qua khảo sát cho thấy, tại các tỉnh, các quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn được cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đúng theo quy định. Ví dụ: tại Đắk Lắk, từ năm 2015-2023 chỉ có 20/20 yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật được Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh thụ lý và giải quyết. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ năm 2016 đến 2024 chưa có đơn yêu cầu, xử lý việc kết hôn trái pháp luật.

- Giám sát kết quả thực hiện các quy định về ly hôn: Qua khảo sát cho thấy, về cơ bản, khi thực hiện các quy định về ly hôn, công tác hòa giải ở cơ sở nói chung theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở đã khẳng định được vai trò trong đời sống xã hội, công tác hòa giải tại Tòa án theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã

phát huy được hiệu quả, việc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Ví dụ tại Đắk Lắk: Trên địa bàn tỉnh 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố và 100% đều có Tổ hòa giải với tổng cộng 13.057 hòa giải viên. Các Tổ hòa giải đều bảo đảm đúng, đủ thành phần, cơ cấu và thường xuyên được củng cố, kiện toàn, tập huấn kiến thức pháp luật theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, tuyển chọn, đề xuất người đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, bổ nhiệm hòa giải viên tại Tòa án theo quy định, bố trí phòng làm việc phù hợp và các điều kiện cơ sở vật chất khác phục vụ tổ chức thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tính đến nay, Tòa án hai cấp có 54 hòa giải viên. Tỷ lệ hòa giải tại Tòa án đối với các vụ việc hôn nhân gia đình, chiếm 60%. Việc ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành kịp thời, nhanh gọn, đúng pháp luật là cơ sở để các bên tự nguyện thi hành, đồng thời là niềm tin để các bên lựa chọn hòa giải, đối thoại tại Tòa án giải quyết tranh chấp, khiếu kiện của mình. Trung bình hàng năm, Tòa án hai cấp đã tiến hành hòa giải theo tổ tụng đối với các vụ án hôn nhân gia đình đảm bảo duy trì ở mức cao (trên 70%).

- Giám sát kết quả thực hiện các quy định quan hệ giữa cha mẹ và con: Nhìn chung, các quy định về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con sau khi ly hôn, việc xác định cha mẹ con được bảo đảm thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ví dụ tại tỉnh Đắk Lắk: Từ năm 2015-2023: Các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.270 đơn yêu cầu thi hành bản án HNGĐ về việc giao con cho người được nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con (đã thi hành xong: 842 việc; số việc chưa có điều kiện: 164 việc; số việc đang thi hành: 264 việc); tỷ lệ số đơn yêu cầu chỉ chiếm tỷ lệ 2,86% trên tổng số vụ việc đã được giải quyết (1.270/44.469). Các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh đã giải quyết 2.709 trường hợp xác định cha, mẹ, con (UBND cấp xã giải quyết 2.669 trường hợp, UBND cấp huyện đã giải quyết 63 trường hợp và UBND tỉnh giải quyết 23 trường hợp).

3. Ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong thi hành luật hôn nhân và gia đình 2014

3.1 Ưu điểm

- Các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình được xây dựng và ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp; đã thể chế hóa đường lối chủ trương của Đảng thành các quy định pháp luật; bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành và thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các thủ tục hành chính quy định trong văn bản đã được rà soát, đáp ứng tốt hơn yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, cơ bản đáp ứng được yêu cầu về thời gian ban hành.

- Luật Hôn nhân và gia đình và các văn hướng dẫn đã làm rõ hơn về chức năng, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thi hành, áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình, qua đó góp phần bảo đảm quyền về hôn nhân và gia đình của người dân được công nhận, tôn trọng, thực hiện, bảo vệ kịp thời, hiệu quả; góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

3.2 Tồn tại, hạn chế

- Việc ban hành văn bản quy định chi tiết chưa thực sự kịp thời để có hiệu lực cùng với thời điểm có hiệu lực của Luật, điều này ảnh hưởng đến việc thi hành Luật trên thực tế.

- Thực hiện Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, các địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, vì lý do khách quan, chủ quan khác nhau, nhiều địa phương chưa xây dựng được danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng ở địa phương.

- Do ảnh hưởng bởi phong tục, tập quán nên vẫn còn tình trạng chung sống với nhau và có con chung khi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và vẫn còn phong tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân (tảo hôn, hôn nhân cận huyết, thách cưới....) đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình đến các xã vùng sâu, vùng xa chưa thực hiện thường xuyên theo chuyên đề, chủ yếu lồng ghép với tuyên truyền pháp luật chung, hình thức tuyên truyền chưa theo kịp tình hình thực tiễn.

- Công tác giám sát về lĩnh vực hôn nhân và gia đình chưa được Hội đồng Nhân dân các địa phương quan tâm nhiều; còn thiếu cơ chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận giám sát; thiếu nguồn lực (nhân lực, tài chính) phục vụ hoạt động giám sát còn cũng dẫn đến một số bất cập trong hoạt động giám sát.

- Cơ sở hạ tầng, vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác hộ tịch tại nhiều đơn vị cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ảnh hưởng đến hiệu quả công tác hộ tịch (phần mềm hộ tịch thường xuyên quá tải; máy tính, máy in, máy scan cũ..).

- Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình còn chưa bài bản, hiệu quả.

- Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chưa quy định nghĩa vụ của Chính phủ định kỳ hoặc đột xuất báo cáo trước Quốc hội về công tác hôn nhân và gia đình, do vậy chưa đồng bộ với khoản 1 Điều 47 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, làm giảm hiệu quả công tác giám sát của Quốc hội đối với lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

- Nhiều ý kiến qua khảo sát cho rằng Luật cần quy định về các lớp học tiền hôn nhân, cấp chứng chỉ tiền hôn nhân, khuyến khích khám sức khỏe tiền hôn nhân để các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình như: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc...) và nội dung về phòng chống bạo lực gia đình được nhận thức và thực hiện hiệu quả trong quan hệ hôn nhân và gia đình.

III. KẾT LUẬN

Hoạt động giám sát của Quốc hội đã cho thấy những kết quả tích cực trong việc thực thi chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình trong thời gian qua; góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình tới các cơ quan, địa phương và người dân đồng thời kịp thời phát hiện những bất cập, hạn chế trong thực tiễn thi hành pháp luật, góp phần thúc đẩy trách nhiệm của các cơ quan thi hành pháp luật trong hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả trong thực thi pháp luật.

Một số kiến nghị qua các hoạt động giám sát của Quốc hội:

(i) Hôn nhân và gia đình là lĩnh vực quan trọng, thiết yếu trong đời sống xã hội cần tăng cường tổ chức các đoàn giám sát chuyên đề về lĩnh vực hôn nhân và gia đình; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng cường giám sát xã hội về lĩnh vực này;

(ii) Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện kiến nghị giám sát;

(iii) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tới mọi người dân và tổ chức các hoạt động tư vấn, học tập tiền hôn nhân;

(iii) Đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong giải quyết các vấn đề về gia đình, bạo lực gia đình, quyền trẻ em;

(iv) Xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật chuyên sâu, am hiểu về lĩnh vực gia đình đặc biệt tại cấp cơ sở;

(v) Chính phủ cần đánh giá, tổng kết một cách toàn diện Luật 2014 để trình Quốc hội sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình phù hợp với thực tiễn mới (chính quyền địa phương 02 cấp, các vấn đề mới phát sinh...).

Trên đây là bài tham luận của Ủy ban Văn hóa và Xã hội về "Đánh giá hiệu quả của quy định pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về hôn nhân và gia đình qua hoạt động giám sát của Quốc hội"./.